

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 213, Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 295, Điều 298, Điều 299, khoản 1, 2 Điều 317, khoản 1, 3 Điều 318, Điều 351, Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 470 và Điều 500 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 105, điểm c khoản 2 Điều 106, của Luật đất đai 2013

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án KDTM, thụ lý số:18/2020/TLST-KDTM ngày 16 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Công T Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Địa chỉ: Số 108 T, Phường C, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn D - Giám đốc Ngân hàng TMCP Công T Việt Nam - Chi nhánh thành phố S, tỉnh Thanh Hóa, theo văn bản Ủy quyền số 829/UQ - HĐQT- NHCT ngày 16/11/2019,

Người được ủy quyền lại: Bà Trịnh Thị M - Trưởng phòng giao dịch Đ,

Địa chỉ: Số 02 Đ, phường T, Thành phố S, Thanh Hóa.

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ và Thương mại T

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn G - Giám đốc Công ty

Địa chỉ đăng ký trụ sở: Nhà ông Trịnh Văn G, đội 7, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị T - sinh năm 1976 – Phó Giám đốc Công ty Tâm G.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Trịnh Văn G - sinh năm 1976 và bà Đặng Thị T – sinh năm 1976

Địa chỉ: Đội 7, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng tín dụng cho vay hạn mức số:199218/2019-HĐCVHM/NHCTT422 – TAM GIANG và các giấy nhận nợ vào ngày 29/8/2019, ông Trịnh Văn G - Giám đốc Công ty Tâm G, đã vay của Ngân hàng Công T Việt Nam, số tiền là 3.120.000đ (ba tỉ một trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất tại thời điểm cho vay là 08%/ năm, mục đích vay để trả tiền mua phân bón, vật liệu xây dựng để kinh doanh. Để bảo đảm khoản vay, ông Trịnh Văn G đã thế chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Giang và bà Đặng Thị T, tại đội 7, xã Hoa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa và tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, mang tên ông Lê Quang Ng và bà Nguyễn Thị L, tại Thôn Q, xã H, thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa. Các tài sản bảo đảm đã được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất hợp pháp, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Công chứng Lại Văn Th. Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Quang Ng và bà Nguyễn Thị L đã thực hiện nghĩa vụ trả phần nợ cho Ngân hàng Công T Việt Nam và được giải chấp tài sản bảo đảm, còn lại tài sản bảo đảm của ông Trịnh Văn G và bà Đặng Thị T chưa được giải chấp. Tính đến ngày 06/01/2021, Công Ty trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ và Thương mại Tâm G, còn nợ Ngân hàng Công T Việt Nam, cụ thể:

Nợ gốc: 2.454.595.480đ; nợ lãi trong hạn trên nợ gốc: 272.667.043đ và **nợ lãi quá hạn trên nợ gốc: 116.473.990đ. Tổng cộng là: 2.843.736.513đ (hai tỉ tám trăm bốn ba triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm mười ba đồng). Số tiền trên, Công Ty trách**

nhệm hữu hạn Dịch vụ và Thương mại Tâm G, mà người đại diện theo pháp luật Công ty, có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Công T Việt Nam, một lần, đến hết ngày 08/3/2021, (ngày mùng tám, tháng ba, năm hai nghìn không trăm hai mươi mốt).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày thỏa thuận cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành trên nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản bảo đảm: Các bên thỏa thuận, thống nhất, Công Ty trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ và Thương mại Tâm G, đã thế chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất (QSD đất) và toàn bộ tài sản trên đất là tài sản chung hợp pháp của vợ chồng, diện tích cấp QSD đất là 793m², hiện trạng diện tích đất đang sử dụng là 775m², tài sản xây dựng trên đất gồm; nhà 02 tầng xây dựng năm 2010, nhà kho một tầng, lợp tôn xây dựng năm 2010, nhà bán hàng một tầng, lợp tôn xây dựng năm 2010 và các công trình xây dựng khác trên khuôn viên đất tại thửa 306, tờ bản đồ số 7, địa chỉ: đội 7 xã H, huyện H.

Trong trường hợp hết thời hạn trả nợ mà bên vay không trả hết khoản nợ gốc và nợ lãi đúng kỳ hạn như đã cam kết, thì Ngân hàng Công T Việt Nam có quyền yêu cầu Thi hành án để xử lý tài sản bảo đảm, là toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất tại thửa 306, tờ bản đồ số 7, đất và toàn bộ tài sản trên đất đã được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất, mang tên ông Trịnh Văn G và bà Đặng Thị T, địa chỉ: Đội 7, xã H, huyện H, Thanh Hóa.

Về án phí KDTM có giá ngạch: Công Ty trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ và Thương mại Tâm G, mà người đại diện theo pháp luật Công ty là ông Trịnh Văn G chịu toàn bộ án phí KDTM sơ thẩm là 44.437.365đồng (*bốn mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng*). Trả lại cho Ngân hàng Công T Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.922.000đ (*năm mươi sáu triệu chín trăm hai mươi hai nghìn đồng*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2019/0008134 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- Đường sự;
- Thi hành án dân sự H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghi